

Bản án số: 169/2024/DS-PT

Ngày: 15- 4 - 2024

V/v tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và chấm dứt hành vi cản trở thực hiện quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thuý Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điện - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 492/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc “ Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở thực hiện quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 303/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 505/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lý Văn T, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T: Luật sư Phan Khánh D – Văn phòng L (có mặt)

- Bị đơn:

1. Bà Lý Thị Cẩm H (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Lý Bích T1, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau;

3. Ông Lý Hồng Q (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Lý Thị V, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

5. Bà Lý Hồng T2, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

6. Bà Lý Tuyết H1 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

7. Ông Lý Văn B (Lý Văn Đ); sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B: Ông Nguyễn Trung K –
Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Hồng T3, sinh năm 1976 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Hồ Thị M, sinh năm 1935 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố H (H2); Địa chỉ: Số B N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; (Chi nhánh C1), Địa chỉ: Số A - 138B, N, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

4. Chị Lý Thảo N, sinh năm 2003 (vắng mặt).

5. Chị Lý Như P, sinh năm 2005 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Bà Lý Hồng T2, bà Lý Bích T1, bà Lý Thị V, ông Lý Văn B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lý Văn T trình bày: Ông có phần đất diện tích 12.600m², đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện T, Cà Mau đất thuộc thửa số 0351, 1038 tờ bản đồ số 02 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/5/1996 gồm đất thổ cư, lập vườn và trồng lúa. Nguồn gốc đất do cha mẹ ông là ông Lý Văn M1, bà Hồ Thị M khai phá.

Từ năm 1994 đến năm 2002, ông B không có chỗ ở nên ông có cho ông B ở phần đất phía sau căn nhà mà mẹ ông đang ở (nhà cây gỗ địa phương). Tại phiên tòa ông yêu cầu ông B và các con của ông B là chị Lý Thảo N và chị Lý Như P (chị N, chị P cùng ông B đang quản lý đất tranh chấp) phải di dời căn nhà phía sau nhà mẹ của ông theo đo đạc thực tế có diện tích 140m² trả lại đất cho ông, ông tự nguyện hỗ trợ cho ông B chi phí di dời nhà là 10.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng đất ông thực hiện quyền được chuyển nhượng đất cho người khác diện tích là 298,5m² đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện T, Cà Mau thì phía bị đơn ông B, bà H1, bà T2, bà V, ông Q, bà T1, bà H ngăn cản không cho ông thực hiện. Ông yêu cầu chấm dứt hành vi ngăn cản trên. Đối với yêu cầu khởi kiện bà H, bà H1 chấm dứt hành vi ngăn cản ông chuyển nhượng đất ông xin rút lại yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông **Lý Văn B (Lý Văn Đ)** trình bày: Phần đất ông **T** yêu cầu ông di dời nhà trả phần đất có diện tích 140m². Ông xác định căn nhà này cất trên nền nhà cũ của cha mẹ ông cất trước đây và ông sửa chữa lại nhiều lần như hiện nay, hiện tại ông ở với hai con của ông là **Lý Thảo N** và **Lý Như P**. Đối với yêu cầu ông di dời nhà trả đất thì ông không đồng ý, trường hợp Tòa án buộc ông phải di dời nhà thì ông sẽ đồng ý trả lại đất cho ông **T** và không yêu cầu bồi thường chi phí xây dựng nhà và không đồng ý nhận số tiền ông **T** hỗ trợ di dời 10.000.000 đồng. Đối với phần đất ông **T** muốn chuyển nhượng cho người khác theo đo đạc thực tế có diện tích 298,5m² ông không đồng ý vì phần đất này gần với khu mộ thân tộc. Đối với diện tích ngoài phần đất có diện tích 298,5m² việc ông **T** chuyển nhượng cho ai thì ông không ngăn cản. Tại phiên tòa ông cho rằng chỉ cho ông **T** chuyển nhượng một phần diện tích đất vì trong phần đất ông **T** đứng tên có các phần đất của các anh chị em và đồng ý cho ông **T** chuyển nhượng từ vị trí khu mộ đo ra 20m.

Bà **Lý Thị V**, bà **Lý Bích T1** và bà **Lý Hồng T2** cùng trình bày: Phần đất ông **T** chuyển nhượng cho người khác theo đo đạc thực tế có diện tích 298,5m² các bà không đồng ý vì phần đất này gần với khu mộ thân tộc. Đối với diện tích đất ngoài phần đất có diện tích 298,5m² việc ông **T** chuyển nhượng cho ai các bà không ngăn cản. Tại phiên tòa sơ thẩm bà **V**, bà **T1**, bà **T2** cho rằng chỉ cho ông **T** chuyển nhượng một phần diện tích đất vì trong phần đất ông **T** đứng tên thì có các phần đất của các anh chị em nên chỉ đồng ý cho ông **T** chuyển nhượng từ vị trí khu mộ đo ra 20m.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 303/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời Quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Lý Văn T** đối với ông **Lý Văn B (Lý Văn Đ)**, bà **Lý Bích T1**, ông **Lý Hồng Q**, bà **Lý Thị V**, bà **Lý Hồng T2**.

Buộc ông **Lý Văn B (Lý Văn Đ)** và các con ông **B** là chị **Lý Thảo N**, chị **Lý Như P** trả lại cho ông **Lý Văn T** phần đất có diện tích 140m² và di dời toàn bộ tài sản là căn nhà và mái che có trên đất tranh chấp, nhà và mái che có kết cấu cây gỗ địa phương, mái tol, thiết, vách tol, nền đất, đất tọa lạc tại **ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau** có vị trí cạnh (M1M2: 4,89m, M2M3: 11,88m, M3M4: 1,17m, M4M5: 3,80m, M5M6: 8,52m, M6M7: 7,05m, M7M8: 4,99m, M8M9: 5,59m, M9M10: 7,25m).

Buộc bà **Lý Bích T1**, ông **Lý Hồng Q**, bà **Lý Thị V**, bà **Lý Hồng T2**, ông **Lý Văn B (Lý Văn Đ)** chấm dứt hành vi ngăn cản ông **Lý Văn T** chuyển nhượng quyền sử dụng đất phần đất có diện tích 298,5m² có vị trí cạnh (M14M15: 73,92m, M15M16: 71,35m, M16M14: 8,63m) đất tọa lạc tại **ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau**.

(Kèm theo bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 10/3/2023 của Chi nhánh Công ty TNHH - đặc bản đồ Tấn Cường tại Cà Mau)

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông **Lý Văn T** yêu cầu bà **Lý Thị Cẩm H**, bà **Lý Tuyết H1** chấm dứt hành vi ngăn cản ông **T** chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/9/2023, bà **Lý Thị V** ông **Lý Văn B**, bà **Lý Bích T1** và bà **Lý Hồng T2** kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm: Ông **B** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận Tại phiên toà:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông **B** đưa ra các căn cứ chứng minh cho yêu cầu của ông **B** là phù hợp như trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông **T** là chưa phù hợp. Các hành vi cản trở của ông **B** là có lý do nếu như ông **T** chuyển nhượng cách khu mộ từ 15m đến 20m thì ông **B** đồng ý cho ông **T** chuyển nhượng, không ngăn cản.

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đưa ra các căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Kiến nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông **B** và đình chỉ kháng cáo của bà **V**, bà **T2**, bà **T1**. Giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án huyện Trần Văn T4.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông **Lý Văn T** yêu cầu ông **Lý Văn B** tháo dỡ nhà trả lại hiện trạng phần đất cho ông **T** và yêu cầu các bị đơn chấm dứt hành vi ngăn cản trong quá trình ông quản lý, sử dụng và chuyển nhượng đất. Các bị đơn không đồng ý. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên các bị đơn kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của các bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Bà **Lý Thị V**, bà **Lý Hồng T2**, bà **Lý Bích T1** có kháng cáo nhưng Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai các đương sự không có mặt và cũng không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu kháng cáo của các đương sự.

[2.2] Đối với kháng cáo của ông **Lý Văn B**, xét thấy:

Ông **T** xác định do ông **B** không có chỗ ở nên ông **T** có cho ông **B** mượn phần đất phía sau liền kề với căn nhà mà mẹ ông đang ở. Nay ông có nhu cầu sử dụng phần đất trên nên yêu cầu ông **B** và các con của ông **B** phải di dời căn nhà theo đo đạc thực tế có diện tích 140m² có vị trí cạnh (M1M2: 4,89m, M2M3: 11,88m, M3M4:

1,17m, M4M5: 3,80m, M5M6: 8,52m, M6M7: 7,05m, M7M8: 4,99m, M8M9: 5,59m, M9M10: 7,25m; M10M1: 3,30m) trả lại hiện trạng phần đất cho ông.

[2.3] Đồng thời, ông T yêu cầu các bị đơn chấm dứt hành vi cản trở việc ông T chuyển nhượng đất cho người khác. Các bị đơn như ông B, bà T1, bà V, bà T2 đồng ý cho ông T chuyển nhượng phần đất nhưng phải cách khu mộ thân tộc ngang từ 15m đến 20m.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện:

[3.1] Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Lý Văn M1, bà Hồ Thị M là cha mẹ của nguyên đơn và các đồng bị đơn. Ông M1 và bà M đã phân chia đất lại cho các con. Ngày 06/5/1996, ông Lý Văn T được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 12.600m² tại các thửa số 0351, 1038 tờ bản đồ số 02 đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Ông T quản lý, sử dụng toàn bộ phần đất trên. Trên đất có căn nhà của bà M hiện nay làm nhà thờ cúng và căn nhà cất liền kề hiện nay do ông B cùng hai người con đang sinh sống.

Ông B thì cho rằng vị trí đất ông T yêu cầu ông trả lại thì ông không đồng ý, ông cho rằng căn nhà ông đang ở là do ông sửa chữa lại từ căn nhà của cha mẹ ông ở trước đây do ông ở với cha mẹ từ nhỏ đến nay.

[3.2] Xét việc ông T yêu cầu ông B tháo dỡ nhà trả lại phần đất mượn có diện tích 140m². Hội đồng xét xử thấy rằng, ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có căn nhà ông B đang sinh sống và căn nhà trước đây bà M sinh sống, nay làm nhà thờ tự.

Ông B xác định được cha mẹ tặng cho căn nhà và phần đất trên nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh là cha mẹ tặng cho ông B. Nhưng theo trình bày của bà M là mẹ ruột của ông T và ông B thì phần đất này bà đã tặng cho ông T. Như vậy, việc ông T yêu cầu ông B cùng các con của ông B là chị N, chị P di dời căn nhà trả lại đất cho ông T phần đất tranh chấp là có căn cứ.

[4] Đối với việc ông B ngăn cản không cho ông T chuyển nhượng phần đất cho người khác. Ông B cho rằng không cản trở việc ông T chuyển nhượng nếu như việc chuyển nhượng cách khu mộ từ 15m đến 20m. Xét thấy phần đất trên là thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông T, đã được cấp quyền sử dụng đất nên việc ông quản lý sử dụng, chuyển nhượng cho ai là quyền của ông T nếu như việc thực hiện quyền của người quản lý đất đúng theo quy định của luật đất đai. Theo quy định tại Điều 167 Luật đất đai người sử dụng đất được thực hiện quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại... ông T đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, như vậy ông T có quyền chuyển nhượng phần đất đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, việc các đồng bị đơn có hành vi ngăn cản việc ông T chuyển nhượng phần đất là không đúng quy định của pháp luật. Án sơ thẩm buộc các bị đơn chấm dứt hành vi cản trở việc ông T quản lý sử dụng, chuyển nhượng phần đất là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Tuy nhiên, để đảm bảo cho quá trình thi hành án nên cần điều chỉnh lại cách tuyên án cho phù hợp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời gian kháng cáo kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông B phải chịu. Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lý Thị V, bà Lý Hồng T2, bà Lý Bích T1 bị đình chỉ nên các đương sự phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ kháng cáo của bà Lý Thị V, bà Lý Hồng T2, bà Lý Bích T1.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Văn B (Đen).

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 303/2023/DS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn T đối với ông Lý Văn B (Lý Văn Đ), bà Lý Bích T1, ông Lý Hồng Q, bà Lý Thị V, bà Lý Hồng T2.

Buộc ông Lý Văn B (Lý Văn Đ) và các con ông B là chị Lý Thảo N, chị Lý Như P có nghĩa vụ di dời toàn bộ tài sản là căn nhà và mái che có trên đất tranh chấp, nhà và mái che có kết cấu cây gỗ địa phương, mái tol, thiết, vách tol, nền đất, có vị trí cạnh (M1M2:4,89m, M2M3:11,88m, M3M4:1,17m, M4M5: 3,80m, M5M6: 8,52m, M6M7: 7,05m, M7M8: 4,99m, M8M9: 5,59m, M9M10:7,25m; M10M1: 3,30m) để giao trả lại cho ông Lý Văn T phần đất có diện tích 140m², đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(Kèm theo bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 10/3/2023 của Chi nhánh Công ty TNHH - đặc bản đồ Tấn C tại Cà Mau)

Buộc bà Lý Bích T1, ông Lý Hồng Q, bà Lý Thị V, bà Lý Hồng T2, ông Lý Văn B (Lý Văn Đ) chấm dứt hành vi ngăn cản ông Lý Văn T quản lý, sử dụng, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất ông Lý Văn T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn T yêu cầu bà Lý Thị Cẩm H, bà Lý Tuyết H1 chấm dứt hành vi ngăn cản ông T chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

2. Chi phí tố tụng: các bị đơn phải chịu, ông T đã nộp 3.548.000 đồng nên buộc các bị đơn : ông Lý Văn B (ông Lý Văn Đ), bà Lý Bích T1, ông Lý Hồng Q, bà Lý Thị V, bà Lý Hồng T2 liên đới thanh toán cho ông Lý Văn T chi phí tố tụng 3.548.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lý Văn B (Lý Văn Đ) phải chịu 300.000 đồng. Ông Lý Văn B (Lý Văn Đ), ông Lý Hồng Q, bà Lý Thị V cùng phải chịu 300.000 đồng. Bà Lý Hồng T2, bà Lý Thị V là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định.

Ông Lý Văn T không phải chịu án phí sơ thẩm, ngày 01/12/2022 ông Lý Văn T dự nộp tạm ứng số tiền 375.000 đồng biên lai thu số 0005808 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lý Hồng T2, bà Lý Bích T1, ông Lý Văn B phải chịu mỗi người 300.000 đồng. Ngày 06/9/2023, bà T2, bà T1, ông B đã nộp tạm ứng mỗi người 300.000 đồng (biên lai số 0007347, 0007346, 0007348) tại chi cục thi hành án huyện Trần Văn Thời được chuyển thu án phí. Bà Lý Thị V được miễn án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời gian kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Cẩm Đào

